

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết danh sách, thời gian tham gia công tác để tính trợ cấp và dự toán kinh phí chi trả trợ cấp của từng đối tượng thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP

Thực hiện Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế; Công văn số 4577/STC-ĐPCS ngày 29/4/2026 của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa về việc thực hiện tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ; Công văn số 2869/SNV-XDCQ&CTNT ngày 14/5/2026 của Sở Nội vụ tỉnh Thanh Hóa về việc hướng dẫn thẩm định, phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Trong thời gian quan UBND xã Xuân Du đã chỉ đạo các phòng, cơ quan, đơn vị thực hiện các bước thu - nhận đơn và hồ sơ của người hoạt động không chuyên trách tại xã Xuân Du; thực hiện công tác kiểm tra, thẩm tra, lập danh sách của số người hoạt động không chuyên trách đủ điều kiện được tính trợ cấp và dự toán kinh phí chi trả trợ cấp theo các quy định hiện hành.

Để tiếp tục thực hiện các bước quy trình theo quy định, Ủy ban nhân dân xã Xuân Du thông báo niêm yết danh sách, thời gian tham gia công tác để tính trợ cấp và dự toán kinh phí chi trả trợ cấp của từng đối tượng người hoạt động không chuyên trách của xã, thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Đối tượng niêm yết: (có danh sách 17 người hoạt động không chuyên trách kèm theo)

2. Địa điểm niêm yết

Trụ sở Đảng ủy và UBND xã Xuân Du (Địa chỉ: Thôn 4, xã Xuân Du, tỉnh Thanh Hóa).

3. Thời gian niêm yết: 10 ngày liên tục, bắt đầu từ ngày 18/6/2026 đến hết ngày 27/6/2026.

4. Nơi tiếp nhận thông tin phản hồi:

Bà Nguyễn Thị Hiền, công chức Phòng Văn hóa - Xã hội; Điện thoại: 0974063206.

Ủy ban nhân dân xã thông báo các nội dung nêu trên để các cá nhân, cơ quan, đơn vị trong và ngoài xã Xuân Du được biết./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- BTV Đảng ủy xã(b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng, ban, đơn vị;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH**Lương Hồng Sỹ**

DANH SÁCH NIÊM YẾT

Thời gian công tác để tính trợ cấp và dự toán kinh phí chi trả trợ cấp của từng đối tượng thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP.

(Kèm theo thông báo số: /TB-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của UBND xã Xuân Du)

TT	Họ tên	Nhày tháng năm sinh	Thời gian công tác	Thời gian nghỉ	Nghỉ theo chức danh	Tổng năm tháng công tác	Số năm tháng làm tròn để tính tiền	Hệ số PC	PC hiện hưởng	Dự kiến kinh phí của từng đối tượng
1	Hồ Thị Lan	24/02/1988	12/6/2012	01/7/2025	Văn hóa TTTT, Phó CT Hội LHPN	13 năm	13 năm	0,9	2.106.	148.473.000
2	Trịnh Văn Hanh	02/01/1982	01/3/2010	01/7/2025	Cán bộ thú y cấp xã	15 năm 4 tháng	15,5 năm	1,0	2.340.	173.745.000
3	Bùi Quốc Tuấn	15/02/1983	05/5/2011	01/7/2025	Phó CT hội CCB xã	14 năm 02 tháng	14,5 năm	0,9	2.106.	153.211.500
4	Quách Văn Niên	23/01/1984	25/5/2018	01/7/2025	PCT hội ND xã	07 năm 01 tháng	7,5 năm	0,9	2.106	131.098.500
5	Nguyễn Văn Ngọc	23/01/1985	10/12/2014	01/7/2025	Cán bộ thú y cấp xã	10 năm 7 tháng	11 năm	1,0	2.340.	157.950.000
6	Lê Thái Bình	15/7/1977	01/03/2010	01/6/2026	Hỗ trợ giúp việc tại Phòng Kinh tế	16 năm 03 tháng	16,5 năm	1,0	2.340.	177.255.000
7	Trịnh Văn Long	16/10/1963	20/09/2024	01/6/2026	Hỗ trợ giúp việc tại cơ quan MTTQ xã	2 năm 3 tháng	15 tháng	0,9	2.106.	31.590.000
8	Vi Văn Hoàn	20/8/1988	01/01/2011	01/6/2026	Hỗ trợ giúp việc tại ban chỉ huy quân sự xã	15 năm 5 tháng	15,5 năm	1,3	3.042.	225.868.000
9	Bùi Văn Lực	07/01/1981	10/9/2007	01/6/2026	Hỗ trợ giúp việc tại Văn phòng HĐND-UBND xã	18 năm 9 tháng	19 năm	0,9	2.106.	167.427.000
10	Cao Thị Mơ	16/6/1993	10/11/2016	01/6/2026	Hỗ trợ giúp việc tại cơ quan MTTQ xã	09 năm 7 tháng	10 năm	1,0	2.340.	154.440.000
11	Hà Thị Luật	24/5/1990	01/8/2023	01/6/2026	Hỗ trợ giúp việc tại VPHĐND-UBND	02 năm 10 tháng	03 năm	0,9	2.106.	71.393.400

					xã					
12	Trần Thị Mai Hương	01/01/1985	10/7/2011	01/6/2026	Hỗ trợ giúp việc tại Ban xây dựng Đảng	14 năm 10 tháng	15 năm	0,9	2.106.	154.791.000
13	Hà Thị Bích	25/5/1990	21/12/2015	01/6/2026	Hỗ trợ giúp việc tại cơ quan MTTQ xã	10 năm 5 tháng	10,5 năm	1,0	2.340.	156.195.000
14	Lê Thị Dung	26/6/1992	01/05/2015	01/6/2026	Hỗ trợ giúp việc tại cơ quan MTTQ xã	11 năm 0 tháng	11 năm	1,1	2.574.	175.675.500
15	Lê Văn Quỳnh	26/2/1986	18/6/2019	01/6/2026	Hỗ trợ giúp việc tại cơ quan MTTQ xã	6 năm 11 tháng	07 năm	1,2	2.808.	172.692.000
16	Hà Văn Cảnh	08/4/1982	01/9/2005	01/6/2026	Hỗ trợ giúp việc tại Trung tâm cung ứng dịch vụ công	20 năm 9 tháng	21 năm	0,9	2.106.	173.745.000
17	Trương Thị Lượng	02/6/1989	01/9/2017	01/6/2026	Hỗ trợ giúp việc tại cơ quan MTTQ xã	8 năm 9 tháng	09 năm	0,9	2.106.	135.837.000
	Tổng									2,561,387,400.

(Hai tỷ năm trăm sáu một triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm đồng)

(Danh sách này có 17 người)